

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/DS-ST

Ngày: 04 - 9 - 2024

*V/v Tranh chấp hợp*

*đồng mua bán tài sản*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Dũ Quang.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.*

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn: Ông Lê Hoài T, sinh năm 1989.*

*Địa chỉ: Số 161 lộ T, khóm W, phường V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.*

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996 (có mặt).*

*Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.*

*\* Bị đơn:*

*- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973 (vắng mặt).*

*- Ông Huỳnh Chí T1, sinh năm 1973 (có mặt).*

*Cùng địa chỉ: khóm V, phường V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 của nguyên đơn và tại Phiên tòa sơ thẩm người đại diện do nguyên đơn ủy quyền chị Trần Diễm M trình bày:*

Hộ Kinh doanh Th (trước đây do ông Nguyễn Duy M1 làm chủ và hiện nay đã ký chuyển giao toàn bộ cho ông Lê Hoài Tâm làm chủ) với ông Huỳnh Chí T1 và bà Nguyễn Thị Th có giao kết Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản bằng văn bản, tuy nhiên qua nhiều năm nên văn bản bị thất lạc.

Theo Hợp đồng, hai bên thỏa thuận Hộ Kinh doanh Th sẽ cung cấp thức ăn, thuốc và các hòa chất phục vụ nuôi thủy sản cho ông Chí T1 và bà Th . Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và được xác nhận theo từng thời điểm, được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại cửa hàng, ông Chí T1 và bà Th hoặc người nhà đến lấy hàng. Sau khi nhận hàng thì kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng. Phương thức thanh toán được thỏa thuận sau vụ thu hoạch Tôm phải thanh toán dứt điểm tiền hàng, trường hợp nuôi thất vẫn phải thanh toán. Đến vụ thu hoạch mà không thanh toán thì Hộ Kinh doanh Th có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông Chí T1 và bà Th dứt điểm, nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì không được tính chiết khấu.

Hai bên giao dịch từ ngày 04/02/2018 đến ngày 19/4/2022. Do ông Chí T1 và bà Th không thanh toán nên Hộ Kinh doanh Th đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hai bên tiến hành xác nhận công nợ vào ngày 05/9/2023, thì ông Chí T1 và bà Th còn nợ lại số tiền là 118.215.000đ (một trăm mười tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Chí T1– bà Th phải trả tiền nợ gốc 118.215.000đ (một trăm mười tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) và lãi chậm thanh toán theo quy định nhà nước với số tiền là 41.999.163đ (bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn một trăm sáu mươi ba đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu vợ chồng ông Chí T1– bà Th trả tiền lãi. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Chí T1– bà Th phải thanh toán cho ông Lê Hoài T tổng số nợ là 118.215.000đ (một trăm mười tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết, bà Th trình bày:* Đúng là từ năm 2018 vợ chồng bà Th – ông Huỳnh Chí T1 có mua thức ăn nuôi Tôm hiệu V và thuốc nuôi Tôm của ông Lê Hoài T , nhưng do cửa hàng cắt thức ăn giữa chừng làm cho gia đình bà rất khó khăn. Do mấy năm nay

nuôi tôm thua lỗ, không có Đại lý thức ăn nào đồng ý đầu tư nên vợ chồng bà không còn nuôi Tôm nữa do đó không có khả năng trả nợ.

Bà Th thừa nhận là vợ chồng bà còn nợ của ông Lê Hoài T số tiền là 118.215.000đ (một trăm mười tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), xin Tòa án gia hạn cho vợ chồng bà, mỗi năm vợ chồng bà sẽ trả cho ông Lê Hoài T số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi trả dứt số nợ nêu trên, khi nào nuôi Tôm trúng sẽ trả nhiều hơn.

*Đối với bị đơn ông Huỳnh Chí T1:* Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoài T nhưng ông Huỳnh Chí T1 không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự, ông Chí T1 cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 20/8/2024, ông Chí T1 vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa Hộ Kinh doanh Th và bị đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị Th – ông Huỳnh Chí T1 là thực tế và sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th – ông Huỳnh Chí T1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Th – ông Huỳnh Chí T1.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn và thừa nhận của bị đơn Nguyễn Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bảng đối chiếu công nợ ngày 05/9/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị Th đều thống nhất xác nhận là vợ chồng bà Th – ông Chí T1 nợ của ông Lê Hoài T tiền mua thức ăn nuôi Tôm là 118.215.000đ (một trăm mười tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán và phương thức thanh toán. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán tài sản và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 118.215.000đ (một trăm mười tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) là có căn cứ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Th – ông Chí T1 cùng liên đới thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện là không yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc nêu trên nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

Xét ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Th xin gia hạn cho vợ chồng bà mỗi năm trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi trả dứt số nợ nêu trên nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lê Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng bà Nguyễn Thị Th – ông Huỳnh Chí T1 còn phải liên đới trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng bà Th – ông T1 phải liên đới chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hoài Tâm đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th – ông Huỳnh Chí T1, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Huỳnh Chí T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Lê Hoài T số tiền nợ là 118.215.000đ (một trăm mười tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lê Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị Th – ông Huỳnh Chí T1 phải liên đới trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th – ông Huỳnh Chí T1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.910.750đ (năm triệu chín trăm mười nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Ông Lê Hoài T không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông Lê Hoài T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.736.066đ (một triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng) theo Biên lai thu số 0004847 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn bà Nguyễn Thị Th – ông Huỳnh Chí T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

*Nơi nhận:*

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hiếu**